



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 243 /CBTT-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Trụ sở chính: 86 Tân Hưng, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-08) 38 558 410

Người thực hiện công bố thông tin: HOÀNG NGỌC LÂM – Giám đốc

Địa chỉ: 1623 Phạm Thế Hiển, Phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-028) 38 558 410

Loại công bố thông tin: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2026 đã được ĐHCĐ thông qua với nội dung:

1. Mức chia cổ tức năm 2025: Đảm bảo phù hợp với năng lực thực tế của Công ty (do Công ty dự kiến thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển theo chỉ đạo chung của Tổng Công ty).
2. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Thanh Sử đề nghị hưu theo chế độ.
3. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản: Ông Phạm Văn Duân và Ông Lê Thanh Sử trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027).
4. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty – Theo như Dự thảo hợp đồng.

Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam hoặc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với đơn vị kiểm toán độc lập Chuẩn Việt.

5. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – Theo như Dự thảo hợp đồng và bản thỏa thuận.

Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận các Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) khi điều khoản hợp đồng có sự điều chỉnh.

Giao cho Giám đốc ký kết các hợp đồng và bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận./.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/4/2026 tại đường dẫn: <http://www.phuwaco.com.vn>. (vào mục Quan hệ cổ đông – chọn Đại hội đồng cổ đông).

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK.

Tài liệu đính kèm:

- BB + NQ hợp ĐHĐCĐ năm 2026;

**Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC**



Hoàng Ngọc Lâm

Số: 242 /NQ-PHT-ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và các biên bản kiểm phiếu tại Đại hội ngày 23/4/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2025 với một số các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	31.962.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	405.588 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận trước thuế:	28.716 triệu đồng
4- Tổng lợi nhuận sau thuế:	21.597 triệu đồng
5- Tỷ suất LNST trên vốn CSH	17,81%

Điều 2. Thông qua chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2025:

A. Mức chia cổ tức:	8,5% = 850 đồng/cổ phiếu
B. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025:	21.596.636.277 đ
C. Lợi nhuận phân phối năm 2025:	20.219.860.437 đ
- Chi cổ tức:	7.650.000.000 đ
- Trích lập các quỹ:	12.569.860.437 đ

Trong đó:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động:	12.181.060.437 đ
- Quỹ thưởng Người quản lý:	388.800.000 đ

D. Lợi nhuận chưa phân phối:	1.376.775.840 đ
------------------------------	-----------------

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2026 với các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	32.300.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	405.749 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	21.785 triệu đồng
4- Tỷ suất LNST trên vốn CSH	17,94%
5- Mức cổ tức: Đảm bảo phù hợp với năng lực thực tế của Công ty (do Công ty dự kiến thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển theo chỉ đạo chung của Tổng Công ty)	

(Tùy vào tình hình thực tế, các chỉ tiêu kế hoạch sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty khi cần thiết).

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 223/BC-PHT-HĐQT ngày 24/3/2026 về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2025.

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 44/BC-PHT-BKS ngày 27/3/2026 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Điều 6.

1. Thống nhất danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt; (2) Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, (3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Phú Hòa Tân (đính kèm dự thảo Hợp đồng);
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn (Chuẩn Việt).

Điều 7. Thống nhất Tờ trình số 216/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/3/2026 về tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của người quản lý. Thông qua tổng thù lao kế hoạch năm 2026 của người quản lý không chuyên trách là 516 triệu đồng. Cụ thể: (1) Thành viên HĐQT: 7 triệu/người/tháng (2) Thành viên Ban Kiểm soát: 4 triệu/người/tháng. Các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS được hạch toán theo thực tế. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế và quy định của pháp luật, Công ty sẽ quyết toán tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện.

Điều 8.

1. Chấp thuận Hợp đồng mua bán si nước sạch và Bản thỏa thuận năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo Tờ trình số 217/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/3/2026 (đính kèm dự thảo Hợp đồng và bản thỏa thuận).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận Hợp đồng mua bán si nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh và giao cho Giám đốc ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 9. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Sử đề nghị hưu theo chế độ và bầu bổ sung Ông Phạm Văn Duân và Ông Lê Thanh Sử vào Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022 – 2027).

Điều 10. Giao cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHCĐ thông qua, ngày 23/4/2026./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Phòng, Ban, Đội;
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Lý Thành Tài



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 241 /BB-PHT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Ngày 23/4/2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

Hôm nay vào lúc 9 giờ 00', ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, số 86 Tân Hưng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh. Mã số doanh nghiệp: 0304796249, tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 – năm 2026.

I. NGHI THỨC ĐẠI HỘI:

1. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 9.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt lúc 9h00' là: 14 người, đại diện cho 7.327.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,41%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

2. Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký & Ban kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình; Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách cổ đông đồng thời là Ban kiểm phiếu với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý, gồm các thành viên như sau:

• **Đoàn chủ tịch gồm:**

1. Ông Lý Thành Tài - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hoàng Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

• **Đoàn thư ký gồm:**

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Dương Thị Mỹ Quý

• **Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đồng thời là Ban kiểm phiếu gồm:**

1. Ông Quách Thanh Vinh - Trưởng Ban
2. Bà Trần Thị Thanh Nga - Thành viên
3. Ông Nguyễn Thành Tính - Thành viên

Đoàn thư ký công bố Chương trình, Thê lệ làm việc và biểu quyết của Đại hội, cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.

II. NỘI DUNG CHÍNH ĐẠI HỘI:

1. Đoàn chủ tịch lần lượt trình bày trước đại hội các nội dung chủ yếu gồm:

- 1.1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026;
- 1.2 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025;
- 1.3 Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2025;
- 1.4 Trình ĐHĐCĐ chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;
- 1.5 Trình ĐHĐCĐ thông qua: Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán; Báo cáo Kế hoạch tài chính năm 2026 và Phân phối lợi nhuận năm 2025: mức chia cổ tức và trích lập các quỹ;
- 1.6 Trình ĐHĐCĐ: Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025; Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026;
- 1.7 Trình ĐHĐCĐ chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;
- 1.8 Trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT;
- 1.9 Ý kiến của cổ đông và Đoàn chủ tịch giải đáp thắc mắc.

2. Phần ý kiến cổ đông tại Đại hội:

Câu hỏi 1: Đối với Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2026 của PJS, cổ đông HFIC “không tán thành” và có ý kiến: Đề nghị HĐQT của PJS đặt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2026 có mức tăng trưởng cao hơn và đảm bảo mức chia cổ tức năm 2026 không thấp hơn thực hiện năm 2025 (850đ/cổ phiếu)

Trả lời:

Hiện nay tình hình kinh tế còn khó khăn, nhiều mặt bằng kinh doanh đóng cửa, các biểu giá kinh doanh chuyển sang sinh hoạt nhiều; bên cạnh đó, tình hình sản lượng không tăng. Do đó, Ban Điều hành Công ty xây dựng kế hoạch tài chính trên cơ sở thận trọng để đảm bảo lợi nhuận năm 2026.

Câu hỏi 2: Đối với Tờ trình 227/TTr-PHT-HĐQT, ngày 25/3/2026 về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025, cổ đông HFIC biểu quyết “không tán thành” phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và có ý kiến: đối với phần lợi nhuận sau thuế còn lại, sau khi trích lập các quỹ theo qui định tại điều lệ, qui chế quản lý tài chính, đề nghị chia hết cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông.

Trả lời:

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại là khoản thuế được giảm đi. Các năm trước, khoản này được Công ty trích vào quỹ đầu tư phát triển, tuy nhiên, năm nay Công ty có phương án sử dụng quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ từ nhằm phù hợp với qui mô và công tác chuyển đổi số, công tác điều hành, nâng cao năng suất lao động. Nên khoản trích này tạm giữ lại ở phần lợi nhuận chưa phân phối.

3. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội:

3.1 Tính đến thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung đã thảo luận, lúc 10 giờ 15, tổng số cổ phần cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền là **7.327.010** cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,41%** số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, số cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan đến Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn là **951.111** cổ phần.

3.2 Kết quả biểu quyết như sau:

1. Thống nhất Kế hoạch SXKD năm 2026 số 109/BC-PHT-KHĐT ngày 26/01/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 99,424 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

2. Thống nhất Báo cáo số 223/BC-PHT-HĐQT ngày 24/3/2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3. Thống nhất Báo cáo số 44/BC-PHT-BKS ngày 27/3/2026 của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

4. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 theo Tờ trình số 042/TTr-PHT-BKS ngày 05/3/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

5. Thống nhất Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

6. Thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2026 số 226A /TTr-PHT-HĐQT ngày 13/4/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.284.810 cổ phần, tương đương với 99,424% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

7. Thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2025 theo văn bản số 227/TTr-PHT-HĐQT ngày 25/3/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.284.810 cổ phần, tương đương với 99,424% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

8. Thông qua Kế hoạch thù lao Người quản lý, ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS công ty năm 2026 theo Tờ trình số 216/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/3/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

9. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (đính kèm Dự thảo hợp đồng) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – theo như Tờ trình số 217/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/3/2026:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	951.111 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp

❖ Cổ đông có lợi ích liên quan không tham gia biểu quyết gồm:

- 04 thành viên đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 6.335.200 cổ phiếu.
- 02 thành viên Ban điều hành của Công ty sở hữu và đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 40.699 cổ phiếu.

10. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Sử:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:



➤ Tán thành	7.284.810 cổ phần, tương đương với 99,424% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

11. Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV nắm giữ 70,39% cổ phần có quyền biểu quyết đề cử:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.284.810 cổ phần, tương đương với 99,424% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

12. Thông qua thể lệ bầu bổ sung thành viên HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.284.810 cổ phần, tương đương với 99,424% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	42.200 cổ phần, tương đương với 0,576 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

13. Công bố kết quả bầu cử:

Ông Phạm Văn Duẩn	Trúng cử với số phiếu được bầu là: 7.301.811 cổ phần, tương đương với 99,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
Ông Lê Thanh Sử	Trúng cử với số phiếu được bầu là: 7.301.809 cổ phần, tương đương với 99,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

14. Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

15. Thông qua Biên bản Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.327.010 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2026./.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Nhung

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH



Lý Thành Tài

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2025
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2026

Kính gửi: Quý cổ đông

I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân năm 2025 như sau:

1. Nước tiêu thụ:

- Lượng nước tiêu thụ năm 2025 đạt 95,98% kế hoạch, thấp hơn năm 2024 1,092 triệu m³ (giảm 3,42%).
- Tiêu thụ bình quân 1 ngày của khách hàng năm 2025 đạt 87.507 m³/ngày, so với tiêu thụ bình quân 1 ngày của khách hàng năm 2024 là 90.044 m³/ngày thì khách hàng giảm tiêu thụ 2.537 m³/ngày (giảm 2,90%).

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%	
Nước tiêu thụ	1.000m ³	33.053	33.300	31.962	95,98	- 1.092

2. Doanh thu tiền nước và giá bán bình quân:

- Doanh thu tiền nước năm 2025 đạt 95,99% kế hoạch, thấp hơn 11,76 tỷ đồng so với năm 2024 (giảm 3,05%).
- Giá bán bình quân tiền nước năm 2025 đạt 100% kế hoạch, so với năm 2024 tăng 43 đồng/m³ (tăng 0,35%).

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%	
Doanh thu tiền nước	tr đồng	397.431	401.798	385.667	95,99	- 11.764
Giá bán bình quân	đồng/m ³	12.024	12.066	12.066	100,00	+ 43

3. Thay và gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn và cỡ nhỏ:

- Công tác thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ đến niên hạn 5 năm đạt 100,44% kế hoạch cả năm, thay định kỳ ĐHN cỡ lớn đạt 120% kế hoạch 2025.

- Công tác gắn mới ĐHN đạt 196% kế hoạch năm 2025, so với thực hiện năm 2024 cao hơn 13,95%.

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%	
Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	19.106	18.500	18.582	100,44	- 524
Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	21	20	24	120,00	+ 3
Gắn mới ĐHN	cái	86	50	98	196,00	+ 12
Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00	0

4. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch:

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch được giữ vững 100% trên địa bàn, với tổng số 90.319 khách hàng cuối năm 2025.

5. Tỷ lệ nước thất thoát thất thu:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2025 đạt 6,82%, thấp hơn 1,18% so với chỉ tiêu năm 2025 là 8%, cao hơn 1,22% so thực hiện với năm 2024 (5,60%).

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	Tăng/giảm So với KH	
% thất thoát nước bình quân	%	5,60	8,00	6,82	- 1,18	+ 1,22

6. Hóa đơn từ 0 – 4m³:

- Cuối năm 2025, số lượng hóa đơn từ 0 – 4m³ là 9.999 hóa đơn, chiếm tỷ lệ 11,07% trên tổng số 90.319 hóa đơn. So với cuối năm 2024 giảm 857 hóa đơn từ 0 – 4m³ (giảm 0,95%).

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%/ tổng hóa đơn	
Hóa đơn từ 0 - 4m ³	Hóa đơn	10.856	-	9.999	11,07	- 857

7. Đầu tư xây dựng công trình:

Năm 2025 Thành phố tiến hành sắp xếp theo mô hình chính quyền 2 cấp nên việc phê duyệt công tác thỏa thuận hướng tuyến, cấp phép đào đường, ... bị trì hoãn. Công ty đã cố gắng chủ động liên hệ để có thể triển khai thực hiện công tác xây dựng cơ bản, kết quả là:

- Công ty đã thực hiện thi công khối lượng 18.661 mét, đạt 115,61% kế hoạch, so với năm 2024 tăng 6.477 mét (tăng 53,16%) và đã hoàn tất quyết toán các công trình chuyên tiếp của năm 2024.
- Công ty phối hợp với Sở, Ban, Ngành thi công nâng cấp các tuyến hẻm, làm đường trên địa bàn cấp nước có các DMA tỷ lệ thất thoát nước cao nhằm duy trì tỷ lệ thất thoát nước bền vững dưới 8%.
- Công ty làm công văn gửi Sở Xây dựng, Ban quản lý đầu tư xin kế hoạch làm đường, duy tu các tuyến đường, tuyến hẻm trên địa bàn cấp nước trong năm 2026 để chủ động trong công tác phối hợp thi công các dự án ...

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN 2025		CHÊNH LỆCH SO VỚI NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%	
Thay mới ống mục	mét	12.184	16.141	18.661	115,61	+ 6.477

8. Tình hình triển khai một số công tác trọng tâm:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện nhiều nghiệp vụ kinh doanh như:

- + Tiếp nhận và xử lý 16.793 đơn thắc mắc, khiếu nại, đề nghị về hoá đơn tiền nước, về chỉ số ĐHN, về giá biểu, định mức, nâng dòi ĐHN, đề nghị sang tên ĐHN ... của khách hàng (so với năm 2024 giảm 3.311 đơn).
- + Tiếp nhận, giải đáp và chuyển phòng ban liên quan xử lý 19.605 cuộc gọi thắc mắc, khiếu nại của khách hàng (so với năm 2024 tăng 503 cuộc gọi).
- + Ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử cho 19.119 khách hàng.
- + Qua công tác đọc số, kiểm tra, Công ty đã cập nhật giá biểu 2.441 trường hợp, đúng với thực tế sử dụng nước.
- + Tiếp tục cập nhật mã định danh, nâng tổng số đã cập nhật đến ngày 31/12/2025 lên 318.400 mã định danh, đạt tỷ lệ 73,99% tổng số khách hàng được cấp định mức nước.
- + Thông qua việc cập nhật mã định danh và công tác kiểm tra, Công ty đã cập nhật mã định danh cho 46.074 danh bạ, đạt tỷ lệ 51,01% (trên tổng số 90.319 danh bạ), cắt chuyển định mức 3.623 trường hợp, điều chỉnh định mức 25.722 danh bạ. Đến cuối tháng 12/2025, Công ty đã giảm 75.712 m³ định mức nước cấp cho khách hàng so với cuối năm 2024 theo đúng thực tế khách hàng sử dụng (giảm cấp định mức cho 18.928 người).
- + 1.522 khách hàng đã đóng tiền và đã thi công thay ĐHN mới do khách hàng làm mất ĐHN, làm bể kính ĐHN hoặc làm đứt niêm chỉ, bể vành ĐHN, ...
- + Lập biên bản dứt chỉ 1.320 ĐHN, bấm chỉ khóa góc 1.187 ĐHN khách hàng sau khi thực hiện các dự án cải tạo ống mục, gắn mới, nâng dòi, đổi cỡ ĐHN ...
- + Lập biên bản dứt chỉ mặt số ĐHN để khách hàng bồi thường 1.550 ĐHN, với số tiền gần 1,7 tỷ đồng.
- + Gắn mới 98 ĐHN (đa số là khách hàng tách hộ), cắt hủy 52 danh bộ (chủ yếu là khách hàng nhập 2 nhà liền kề thành 1).
- + Thi công nâng dòi 900 ĐHN ở vị trí khuất lấp hoặc do khách hàng xây sửa nhà, giải tỏa mặt bằng ..., trong đó có 862 trường hợp thi công theo đề nghị của khách hàng (khách hàng đóng tiền gần 1,2 tỷ đồng).

- + Thương lượng giảm cỡ 30 ĐHN khách hàng có lượng nước tiêu thụ thấp hơn cỡ ĐHN đang sử dụng, giúp cho lượng nước tiêu thụ được đo đếm chính xác và giảm chi phí thay ĐHN cỡ lớn. Nâng cỡ ĐHN cho 3 khách hàng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng lên của khách hàng.
- + Mở nước cho 21 khách hàng nợ tiền nước đã thanh toán gần 114 triệu đồng xin sử dụng nước lại.
- + Truy thu sử dụng nước gian lận, bất hợp pháp 259 trường hợp, với khối lượng 146.479 m³ nước sử dụng gian lận, bất hợp pháp.
- + Truy thu giá biểu, định mức 1.855 trường hợp, của hơn 4,4 triệu m³ nước cho đúng với giá biểu, định mức thực tế đã sử dụng.
- + Thu hồi 396 m³ lượng nước súc xả, khử trùng, thử áp trên tuyến ống cấp 2 do Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch thực hiện ...

9. Tình hình triển khai thực hiện giảm nước thất thoát năm 2025:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2025 đạt 6,82%, thấp hơn 1,18% so với chỉ tiêu năm 2025 là 8%, cao hơn 1,22% so thực hiện với năm 2024 (5,60%).
- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện nhiều công tác nhằm giảm thất thoát nước như:
 - + Thực hiện việc giám rò rỉ chủ động, tập trung tăng cường công tác đóng van bước và dò bể ngầm những DMA có tỷ lệ thất thoát cao để khoanh vùng tìm ra khu vực có rò rỉ cao nhằm nhanh chóng phát hiện và sửa chữa các điểm bể trong mạng lưới.
 - + Tổng số điểm bể đã được sửa là 2.430 điểm bể (tăng 423 điểm sửa bể so với năm 2024). Trong đó sửa 1.595 điểm bể nổi (chiếm tỷ lệ 65,64%, tăng 459 điểm sửa bể so với năm 2024) và sửa 835 điểm bể ngầm (chiếm tỷ lệ 34,36%, giảm 36 điểm sửa bể so với năm 2024).
 - + Sửa chữa và coi 468 van bị khuất lấp, hư hỏng, bảo đảm có thể đóng mở nước để thực hiện các công tác mạng lưới, giảm thất thoát nước (tăng 269 van được sửa chữa coi van so với năm 2024).
 - + Phối hợp với UBND Phường, Ban QLDA quản lý công trình trong việc triển khai các công trình sửa bể giảm thất thoát nước đồng bộ với công tác cải tạo hẻm, hệ thống thoát nước trên địa bàn như:
 - ✓ Khu vực Quận 10 (cũ): hẻm 289 Vĩnh Viễn, hẻm 51 Ngô Quyền, hẻm 222 Sư Vạn Hạnh, hẻm 384 Sư Vạn Hạnh, hẻm 314 Điện Biên Phủ, hẻm 7B/105 Thành Thái – 525 Tô Hiến Thành, hẻm 506 đường Ba Tháng Hai.
 - ✓ Khu vực Quận 11 (cũ): hẻm 708 Hồng Bàng, hẻm 36B đường 762 Hồng Bàng, hẻm 36C đường 762 Hồng Bàng ...
 - + Phối hợp với Xí Nghiệp Truyền Dẫn Nước Sạch để điều chỉnh lại ranh các DMZ trên tuyến ống cấp 2, theo dõi biến động của các đồng hồ tổng và các thay đổi khi có yêu cầu điều tiết từ phía nhà máy nước để có giải pháp kịp thời xử lý.
 - + Thông báo đến khách hàng nhanh chóng và kịp thời về trường hợp cúp nước (qua Website, Zalo...) để khách hàng chủ động dự trữ nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh.

II. Phong trào phát huy sáng kiến:

Công ty luôn chú trọng khuyến khích phong trào phát huy sáng kiến trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã công nhận 4 sáng kiến tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng công việc trong năm 2025 là:

STT	Tên đề tài sáng kiến
1	Bộ vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời
2	Ứng dụng công nghệ số hóa trong công tác vận hành, bảo dưỡng và quản lý thiết bị - vật tư - phương tiện
3	Ứng dụng giải pháp tích hợp công nghệ sinh trắc học OCR CCCD khởi tạo Hợp đồng điện tử trong ký số Hợp đồng điện tử theo luật giao dịch điện tử 2023
4	Ứng dụng công nghệ vận hành tự động DMA

III. Kế hoạch năm 2026 và phương hướng thực hiện:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025 và khả năng thực hiện trong năm 2026, Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025		KẾ HOẠCH 2026	
			KHỐI LƯỢNG	% so với KH 2025	KHỐI LƯỢNG	tăng/giảm so với TH 2025
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	33.300	31.962	95,98	32.300	+ 338
2- Doanh thu tiền nước	tr đồng	401.798	385.667	95,99	390.249	+ 4.582
3- Giá bán bình quân tiền nước	đồng/m ³	12.066	12.066	100,00	12.082	+ 16
4- Gắn mới ĐHN	cái	50	98	196,00	50	- 48
5- Thay ĐHN cỡ nhỏ	cái	18.500	18.582	100,44	15.000	- 3.582
6- Thay ĐHN cỡ lớn	cái	20	24	120,00	30	+ 6
7- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	8,00	6,82		8,00	
8- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00	0,00
9- Tỷ lệ hóa đơn tiền nước 0m ³	%		5,28		5,14	- 0,14
10- Thay mới ống mục	mét	16.141	18.661	115,61	16.986	- 1.675

1. Về kinh doanh nước sạch:

- Tập trung phần đầu hoàn thành chỉ tiêu lượng nước tiêu thụ năm 2026 là 32,3 triệu m³ thông qua nhiều biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng nước giếng, bảo đảm đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, ... nhằm mục tiêu tăng tiêu thụ 338.000 m³, tăng giá bán bình quân thêm 16 đồng/m³, tăng doanh thu thêm 4,58 tỷ đồng.
- Sớm hoàn thành cập nhật mã định danh của khách hàng vào cơ sở dữ liệu, làm cơ sở để điều chỉnh định mức nước cho khách hàng theo đúng thực tế sử dụng.
- Rà soát, kiểm tra định mức nước những danh bạ chưa cung cấp mã định danh.
- Rà soát, kiểm tra các địa chỉ có định mức cao nhưng tiêu thụ thấp.
- Thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh giá biểu phù hợp với thực tế sử dụng nước của khách hàng.
- Nghiên cứu chuyển giá kinh doanh đối với các trường hợp kinh doanh online quy mô lớn.
- Tăng cường tiếp cận ĐHN khách hàng để phản ánh đúng sản lượng tiêu thụ. Giải quyết triệt để các trường hợp nhà đóng cửa không ở, không tiếp cận được ĐHN.
- Tiếp tục kiểm tra tiêu thụ bất thường, những đồng hồ nước có tiêu thụ từ 0-4m³, thay các ĐHN hoạt động bất thường, kính mờ, lấp, ngưng ..., không đọc được chỉ số.
- Theo dõi thường xuyên sản lượng của các đồng hồ khách hàng cỡ lớn, đường truyền tín hiệu của các ĐHN điện tử. Thay kiểm định ĐHN điện tử cỡ lớn và các ĐHN thông minh cỡ nhỏ để đảm bảo các ĐHN này đo đếm chính xác lượng nước tiêu thụ của khách hàng.
- Thống kê những khu vực kinh doanh có tiêu thụ nước cao để tăng áp lực phù hợp nhằm tăng sản lượng tiêu thụ.
- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo ống nhánh ... đối với những ĐHN bị lấp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật, không đọc được chỉ số.
- Kiểm tra và tiến hành bấm chì các trường hợp ĐHN có chì bị mục, đứt ...
- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, sử dụng nước bất hợp pháp, đặc biệt là các trường hợp khách hàng sử dụng song song hai nguồn nước máy và nước giếng.
- Triển khai bấm chì ĐHN đối với khách hàng xin tạm ngưng sử dụng nước, mở nước khi khách hàng xin sử dụng lại.
- Tiếp tục công tác ký Hợp đồng điện tử với khách hàng với chữ ký điện tử.
- Tiếp tục số hóa kho hồ sơ lưu trữ, giảm kho hồ sơ, truy xuất hồ sơ nhanh chóng.
- Tuyên truyền, vận động khách hàng hạn chế khai thác nước ngầm. Theo dõi tiêu thụ của khách hàng có khai thác nước ngầm để gắn van 1 chiều, nhằm ngăn ngừa trường hợp bơm ngược nước giếng qua ĐHN để gian lận tiêu thụ nước máy, gây ô nhiễm mạng lưới cấp nước.
- Tiếp tục hoàn thiện rút gọn các quy trình thủ tục, cải cách hành chính trong việc phục vụ khách hàng. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, khiếu nại trực tuyến, tương tác trực tuyến với khách hàng ... Hướng dẫn khách hàng cài đặt app Chăm sóc khách hàng của Tổng Công ty.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và người quản lý, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Tuyên dương và khen thưởng người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mỗi tháng, khuyến khích và khen thưởng các cá nhân, tập thể có giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả và năng suất trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động.

2. Về giảm nước thất thoát thất thu:

2.1 Về nước cung cấp:

- Phối hợp cùng Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch theo dõi sản lượng ở các đồng hồ tổng mua bán sỉ nước sạch nhằm đánh giá, phân tích và kịp thời phát hiện xử lý những bất thường xảy ra ngay từ đầu.

2.2 Về công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước ở các DMA :

- Phân loại DMA theo chỉ số thất thoát hữu hình. Từ đó tập trung vào những DMA có lượng nước thất thoát cao để lên kế hoạch khoanh vùng rò rỉ, dò bể, cải tạo ống cũ mục.
- Tập trung ưu tiên dò bể những DMA có lượng nước thất thoát trung bình trên 100 m³/ngày. Thực hiện phương pháp kiểm soát rò rỉ chủ động như phương pháp đóng van bước - Step Test tại các DMA nhằm khoanh vùng các khu vực rò rỉ cao tại các DMA đang có tỷ lệ thất thoát cao và duy trì tại các DMA đang có tỷ lệ thất thoát nước thấp.
- Theo dõi thường xuyên hoạt động của các thiết bị như van điều áp, Datalogger. Có kế hoạch điều tiết áp lực ổn định tại các DMA có áp lực Inlet cao vào giờ thấp điểm sử dụng nước (ban đêm).
- Kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ thất thoát nước của từng DMA hàng tháng, ngay cả với các DMA có tỷ lệ thất thoát nước thấp. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thi công hạ tầng trên địa bàn nhằm phát hiện, xử lý kịp thời sự cố bể ống do các đơn vị thi công công trình ngoài gây ra. Có giải pháp cụ thể, kịp thời ngay khi thất thoát nước có xu hướng tăng.

2.3 Về công tác cải tạo ống mục:

- Tăng cường công tác rà soát, đánh giá dữ liệu nhằm lựa chọn các khu vực cần cải tạo các tuyến ống cũ, mục, ống nằm quá sâu ... gây nguy cơ xì bể cao và khó khăn cho công tác dò tìm rò rỉ (ưu tiên thực hiện tại các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao). Phối hợp với Phường, Ban để triển khai đồng bộ công tác sửa chữa giảm thất thoát nước đồng bộ với các công trình nâng cấp hẻm.
- Tập trung đẩy mạnh cải tạo ống mục, sửa chữa giảm thất thoát nước có chọn lọc song song công tác phát triển hoàn thiện mạng lưới cấp nước (chú trọng thực hiện tại các DMA có tỷ lệ và lượng nước thất thoát cao). Dự kiến năm 2026 Công ty sẽ thay mới ống mục với khối lượng 16.986 mét.

2.3 Về công tác dò bể và sửa bể:

- Chú trọng công tác thống kê, phân tích số liệu các điểm bể nhằm phát hiện các nguyên nhân xi bể có tính hệ thống (do vật tư kém chất lượng, do tuyến ống cũ mục, do thi công không đảm bảo kỹ thuật ...)
- Phân tích số liệu bể để lập kế hoạch dò bể có tính hệ thống, tập trung vào các vùng có tỷ lệ thất thoát nước cao. Đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, lập kế hoạch đóng van bước phục vụ công tác dò bể.
- Tổ chức trực sửa bể 24/24, tiếp nhận các nguồn thông tin báo bể từ nhân dân, CB.CNV khi đi công tác, tổ QLML... để triển khai khắc phục kịp thời,

2.4 Về công tác quản lý mạng lưới:

- Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục trên địa bàn quản lý.
- Đảm bảo áp lực tất cả các DMA được vận hành đầy đủ và ổn định suốt 24 giờ.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra áp lực mạng lưới, luôn đảm bảo áp lực ổn định cuối nguồn vào giờ cao điểm.
- Tăng cường công tác giám sát mạng lưới cấp nước, đặc biệt là các khu vực có các công trình hạ tầng kỹ thuật khác đang thi công trong phạm vi có đường ống cấp nước, phát hiện, ngăn chặn, khắc phục kịp thời các sự cố xi bể do các đơn thi công công trình ngầm gây ra.
- Tiến hành rà soát, lắp đặt bổ sung thêm các van cần thiết để phục vụ công tác đóng van bước.
- Thường xuyên vận hành thử, bảo trì hệ thống van trên mạng lưới, đặc biệt là các van cô lập mạng lưới.
- Công tác coi van được thực hiện thường xuyên, liên tục, không để tình trạng khuất lấp van trên mạng lưới.
- Tập trung xây dựng, cải tiến Dashboard, hệ thống Scada, các phần mềm quản lý tài sản, phần mềm điều tiết mạng lưới, phần mềm quản lý sự cố, phần mềm quản lý tính thất thoát nước, các ứng dụng trên mobile về quản lý sự cố, quản lý dò bể, ứng dụng mô hình thủy lực, ... tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng phục vụ cho trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước PWNOC.

2.5 Các công tác giảm thất thoát nước khác:

- Duy trì và cải tiến hoạt động theo dõi lưu lượng và áp lực tại các DMA, bổ sung các mức cảnh báo khác nhau để theo dõi, đánh giá sát các biến động xảy ra trên mạng lưới cấp nước.
- Thực hiện tiếp việc thay thế các bộ logger cũ bằng logger mới như: Cello 4S, Cello 6S, Regulo, Sofrel ... đồng thời bảo dưỡng, kiểm tra pin, bộ năng lượng mặt trời tại các tủ tín hiệu để đảm bảo các thiết bị Datalogger, đồng hồ tổng hoạt động ổn định, không bị gián đoạn.
- Lập kế hoạch, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các hầm đồng hồ tổng, tủ tín hiệu DMA hàng tháng và vệ sinh van điều áp 4 tháng/lần trên mạng lưới nhằm đáp ứng kịp thời công tác giảm thất thoát nước tại Công ty.
- Lập kế hoạch kiểm định hằng năm và thay dần các đồng hồ tổng DMA bị hư 3 lần trở lên.

- Lập kế hoạch dự trữ, thay pin, bộ năng lượng mặt trời kịp thời cho các thiết bị như: đồng hồ tổng DMA, đồng hồ khách hàng cỡ lớn thông minh, Datalogger tránh ảnh hưởng đến việc liên tục truyền dữ liệu lưu lượng và áp lực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB.KS, TB.KTNB Công ty;
- Lưu HC, TK.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Ngọc Lâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Số: 223 /BC-PHT-HĐQT

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 & PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm. Năm 2025 là năm có biến động nhân sự rất lớn khi 5/6 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức vào ngày 26/6/2025, bầu thay thế cho 5 thành viên chuyên công tác. Ông Lý Thành Tài, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thay thế cho Bà Lê Thị Thanh Tâm), các thành viên: Ông Hoàng Ngọc Lâm kiêm Giám đốc (thay thế cho Ông Dương Văn Hòa), Bà La Ngọc Hạnh, Bà Nguyễn Thị Thùy Linh và Bà Trần Lệ Phương (thay thế cho các Ông Vương Vũ, Lê Hoàng Sơn và Võ Tấn Bảo Quang) và Ông Nguyễn Thanh Sử.

Các thành viên HĐQT dù mới nhận nhiệm vụ trong 06 tháng cuối năm, nhưng đã nỗ lực thực hiện tốt công tác quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động quản trị năm 2025 như sau:

I/. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025:

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý đã đạt ngưỡng bão hòa (100% hộ dân được cấp nước từ năm 2014), dư địa phát triển khách hàng mới gần như không còn. Năm 2025, Công ty đối mặt với những biến động từ việc sáp nhập địa giới hành chính từ tháng 7 năm 2025, yêu cầu nâng cao về chất lượng dịch vụ và áp lực chuyển đổi số toàn diện nhưng vẫn phải duy trì sản lượng nước tiêu thụ. Những thay đổi về kinh tế, xã hội tại TP. Hồ Chí Minh đã trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu tiền nước chưa đạt kỳ vọng so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông.

- Tuy nhiên, bằng tinh thần chủ động, linh hoạt và quyết tâm đổi mới, tập thể cán bộ, người lao động Công ty vẫn giữ vững nhịp vận hành, nỗ lực tiết giảm chi phí và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo cấp nước an toàn và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững với lợi nhuận trước thuế đạt gần 29 tỷ đồng, tương đương 100,18% kế hoạch năm, vượt chỉ tiêu đề ra và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 21,5 tỷ đồng, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, ổn định tài chính doanh nghiệp góp phần ổn định đời sống và tạo động lực cho người lao động. Bên cạnh kết quả đạt được, Công ty vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Từ những kết quả đạt được như trên, Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông chi trả cổ tức năm 2025 là 850 đồng/cổ phiếu, hoàn thành 100% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1. Lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu:

- Sản lượng nước cung cấp: đạt 95,98% so với kế hoạch, giảm 3,30% so với năm 2024.

- Doanh thu tiền nước: đạt 95,99% so với kế hoạch, giảm 2,96% so với năm 2024.
- Tỷ lệ thất thoát nước cuối năm 2025: 6,82%, giảm 1,18% so với kế hoạch; tăng 1,22% so với thực hiện năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 100,18% so với kế hoạch, tăng 0,22% so với năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 100,08% so với kế hoạch, tăng 0,94% so với năm 2024.
- Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 850 đồng/cổ phiếu đạt 100% so với kế hoạch

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1 Cơ cấu và hoạt động của HĐQT:

HĐQT có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm, trong đó:

- + 05 thành viên là đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- + 01 thành viên là đại diện vốn góp của Ngân hàng số Vikki.
- + Số thành viên HĐQT không điều hành: 5 người.

2.2 Giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo của Ban điều hành, qua đó, đã có chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Ban Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- + Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo và giám sát công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.3 Các phiên họp và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo quản lý hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT để ban hành 11 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến công tác quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Các phiên họp được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và có sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết đều nhận được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

2.4 Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT năm 2025:

Chế độ tiền lương, thù lao HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP và Thông tư 003/2025/TT-BNV về thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Các khoản thù lao, tiền thưởng, phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của Công ty (và được báo cáo chi tiết tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

II/. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

Năm 2026, kinh tế Thành phố được dự đoán tiếp tục duy trì ổn định, dù khó khăn, thách thức vẫn còn. Đây cũng không hẳn là tín hiệu khả quan và thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026 trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm 2025.

Vì vậy, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, công tác giảm nước thất thoát kinh tế đảm bảo nguồn vốn được đầu tư hợp lý.
- Tiếp tục lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2026 – 2030. Trong đó, khai thác tối ưu hóa tiện ích của Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước (PWNOC).
- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty và mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra 03 công tác trọng tâm của năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tăng cường quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng nước thông qua Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước:

Tối ưu hóa các thiết bị thông minh trên mạng lưới cấp nước. Quản lý tốt áp lực nước, chất lượng nước cung cấp ổn định và liên tục trên toàn hệ thống góp phần tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu.

2. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, phục vụ khách hàng:

Duy trì 100% hộ dân được cung cấp nước sạch và bảo đảm mọi khách hàng có nhu cầu gần ĐHN đều được đáp ứng. Đồng thời, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và giữ vững mục tiêu cấp nước liên tục, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động:

Tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo của từng cán bộ, người lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ thông qua việc đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2026 – 2030.

Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để quyết định và xử lý kịp thời những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

HDQT Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và gắn bó của Quý cổ đông, góp phần vào sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS, BGD;
- Cổ đông;
- Lưu: TK

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Thành Tài

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và quy định Pháp luật hiện hành,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân báo cáo Đại hội đồng cổ đông công tác kiểm tra, giám sát năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu chọn 03 thành viên vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027, gồm:

1. Ông Nguyễn Minh Đạt, Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Lê Trọng Thành, Thành viên Ban Kiểm soát
3. Bà Phạm Thị Phương Linh, Thành viên Ban Kiểm soát

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

- Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn.
- Kiểm tra và giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

II. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả tài chính của Công ty năm 2025

•Chỉ tiêu kinh doanh nước sạch

	Kinh doanh nước sạch	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024	Tỷ lệ % TH2025/KH2025
1.	Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	33.053	33.300	31.961	96,69%	95,98%
	Giá mua si nước sạch	đồng/m ³	6.611,79	6.611,79	6.636,25	100,37%	100,37%
	Sản lượng nước mua si	1.000 m ³	35.144	36.195	34.460	98,05%	95,98%
2.	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	397.150	401.798	385.706	97,11%	95,9%
3.	Giá bán bình quân	đồng/m ³	12.024	12.066	12.066	100,34%	100%

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 thực hiện được 31,96 triệu m³ giảm 1,09 triệu m³ so với cùng kỳ 2024, giảm 1,33 triệu so với kế hoạch năm 2025.
- Doanh thu tiền nước năm 2025 đạt 385.706 triệu đồng, giảm 11.44 triệu đồng so với cùng kỳ 2024, giảm 16.092 triệu đồng so với kế hoạch năm 2025.
- Giá bán bình quân năm 2025 đạt 12.066 đồng/m³, tăng 42 đồng/m³ so với cùng kỳ năm 2024, thực hiện bằng kế hoạch năm 2025.

Chỉ tiêu tài chính

	Tài chính	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH25/TH24	Tỷ lệ % TH25/KH25
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	421.529	411.265	405.588	96,21%	98,62%
2	Tổng chi phí	tr.đồng	392.877	382.600	376.872	95,92%	98,50%
3	LN trước thuế	tr.đồng	28.652	28.665	28.716	100,45%	100,18%
4	LN sau thuế	tr.đồng	21.395	21.580	21.597	100,94%	100,08%
5	Tỷ suất LNST/VCSH BQ	%	17,78%	17,80%	17,81	100,08%	100,08%
6	Cổ tức	đồng/cp	850	850	850	100%	100%

- Tổng doanh thu năm 2025 thực hiện được 405.588 tr.đồng, đạt 98,68% so với kế hoạch năm 2025.
- Tổng chi phí giảm 1,50% so với kế hoạch năm 2025 tương đương 376.872 tr.đồng, bằng 95,92% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024 là 392.877 tr.đồng.
- Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2025 thực hiện được 28.716 tr.đồng, đạt 100,18% kế hoạch năm 2025 và đạt 100,22% so với thực hiện của năm 2024 là 28.652 tr.đồng.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2025 là 7.120 tr.đồng tương đương 100,4% kế hoạch năm 2025, so với thực hiện năm 2024 là 7,257 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt 21.580 tr.đồng đạt 100% kế hoạch năm, bằng 100,8% lợi nhuận sau thuế của năm 2024 là 21.395 tr.đồng.

Lượng nước cung cấp đến khách hàng giảm mạnh với nguyên nhân chủ yếu do tình hình kinh tế khó khăn, một số địa điểm hành chính, cơ sở kinh doanh dịch vụ, trường học giảm quy mô hoạt động, tạm dừng hoặc đóng cửa vĩnh viễn.

Việc giảm doanh thu đã tạo áp lực tài chính trong bối cảnh chi phí vận hành hệ thống cấp nước, chi phí quản lý mang tính cố định tương đối cao. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đảm bảo đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao về lợi nhuận.

. Kết quả bản cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	98.526.342.216	143.399.827.534
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31.541.170.329	54.078.806.971
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.513.433.170	54.998.470.915
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.979.655.025	12.789.140.522
4. Hàng tồn kho	12.335.848.286	17.405.214.067
5. Tài sản ngắn hạn khác	7.156.235.406	4.128.195.059
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	133.910.432.459	101.693.401.602
II. Tài sản cố định	109.929.292.571	100.228.679.314
1. Tài sản cố định hữu hình	106.741.542.320	95.960.679.772
3. Tài sản cố định vô hình	3.187.750.251	4.267.999.542
IV. Tài sản dở dang dài hạn	5.770.841.606	1.464.772.288
VI. Tài sản dài hạn khác	18.210.298.282	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	232.436.774.675	245.093.229.136
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	89.384.200.638	102.745.849.256
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	143.053.574.037	142.347.379.880
I. Vốn chủ sở hữu	143.053.574.037	142.347.379.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	90.000.000.000	90.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	31.455.937.760	30.573.149.840
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.596.636.277	21.774.230.040
- LNST chưa pp lũy kế đến cuối kỳ trước	21.596.636.277	21.774.230.040
- LNST chưa phân phối kỳ này		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	232.436.774.675	245.093.229.136

. Chỉ số về tài chính cơ bản

+ Các chỉ số về tài chính cơ bản (dựa trên Báo cáo tài chính về KQHĐKD 2025)

a. Cơ cấu nguồn vốn	2025	2024
TS ngắn hạn/Tổng TS	30,46	58,41
TS dài hạn/Tổng TS	41,40	41,59
NPT/Tổng NV	27,64	42,11
VCSH/Tổng NV	44,23	57,89
b. Khả năng thanh toán		
Thanh toán ngắn hạn	1,10	1,39
Thanh toán nhanh	0,96	1,22
c. Chi phí vận hành	2025	2024
Tổng chi phí (tr.đồng)	145,1	153,6
Tỷ lệ chi phí/doanh thu (%)	36%	36,9
d. Đ/giá hiệu quả kinh doanh	2025	2024
Doanh thu (tr.đồng)	401,9	415,8
Lợi nhuận gộp (tr.đồng)	170,7	180,8
Biên lợi nhuận gộp (%)	42,4	43,4
LN sau thuế	21,6	21,4
Biên LN ròng (%)	5,37	5,14

- Cơ cấu nguồn vốn duy trì trong mức an toàn với tỷ lệ nợ phải trả chiếm khoảng 27,64% trên tổng nguồn vốn; Tỷ lệ vốn chủ sở hữu công ty trên tổng nguồn vốn 44,23% giảm so với cùng kỳ 2025 là 57,69% nguyên nhân đầu tư hình thành tăng TSCĐ trong năm; Khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,10 lần và thanh toán nhanh đạt

0,96 lần đảm bảo nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Công ty chủ động cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành so với cùng kỳ năm trước, nhờ đó, kết quả kinh doanh, chỉ tiêu về lợi nhuận đạt so với cùng kỳ năm trước, đảm bảo yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước với hệ số bảo toàn vốn tại ngày 31/12/2025 là 1,005.

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức

stt	NỘI DUNG	TRÌNH PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024
A	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	21.596.636.277	21.774.230.040
1	LNST chưa phân phối năm trước	-	379.171.458
2	LNST năm nay	21.596.636.277	21.395.058.582
B	LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI	20.219.860.437	21.774.230.040
I	Chia cổ tức	7.650.000.000	7.650.000.000
	Mức chia	850	850
II	Trích lập các quỹ	12.569.860.437	14.124.230.040
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	882.787.920
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.569.860.437	13.241.442.120
C	LN chưa phân phối	1.376.775.840	-

3. Thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Thực hiện theo Khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số 178/NQ-PHT-HĐQT ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty đã ký và công bố thông tin Hợp đồng kiểm toán số 2170/25/AUD.VVALUES ngày 17/7/2025 với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. Ý của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty

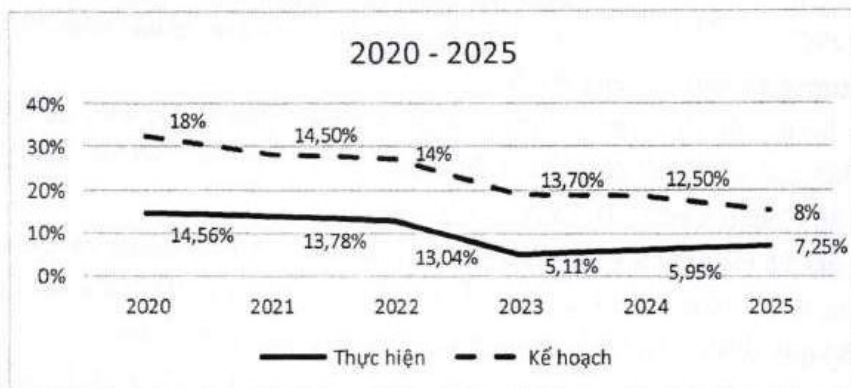
- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty đăng tải, công bố thông tin trên trang tin điện tử <https://phuwaco.com.vn>, theo đó,

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

III. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

- Tổ chức 04 phiên họp hội đồng quản trị, thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm trong quản lý Công ty, xây dựng Chương trình làm việc, chỉ đạo quyết liệt bằng những giải pháp cụ thể, hỗ trợ tạo điều kiện để Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình.
 - Ban Giám đốc và người quản lý khác của doanh nghiệp làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, triển khai nhiều giải pháp hiệu quả như tiết giảm các chi phí vận hành chưa thật sự cần thiết trong năm 2025; Tăng cường công tác quản lý mạng lưới, hạn chế thất thoát nước; Chủ động phân tích quy mô khách hàng, xác định đúng nhu cầu dùng nước tại khu dân cư, địa điểm kinh doanh điều tiết lưu lượng tối ưu, tối đa sản lượng; Từng bước nâng cao hiệu

quả quản lý và ứng dụng công nghệ trong vận hành hệ thống cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước thất thu giảm sâu, giữ ổn định thể hiện qua biểu đồ:



- Việc duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp và ổn định trong 03 năm qua là điểm mạnh nổi bật của Công ty, đã phản ánh năng lực quản lý vận hành hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh điều kiện kinh doanh đang gặp nhiều khó khăn. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và tạo nguồn lực cải thiện kết quả kinh doanh trong giai đoạn những năm tiếp theo.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty

- Ban Kiểm soát phối hợp làm việc cùng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty và Cổ đông theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Ban Kiểm soát phối hợp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty; Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

V. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

1. Về hoạt động chung

- Ban Kiểm soát nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Điều lệ công ty.
- Tham gia đầy đủ phiên họp Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt tình hình kinh doanh, đóng góp các ý kiến và kiến nghị trong phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao theo nguyên tắc độc lập, cẩn trọng vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tổ chức 04 cuộc họp, chủ yếu về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Kiểm soát:

Stt	Biên bản	Ngày	Nội dung	
01	01-25/BB-BKS-PHT	24/3/2025	Kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu SXKD Quý I/2025. Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2025.	03/03
02	02-25/BB-BKS-PHT	22/7/2025	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý II và 6 tháng đầu 2024. BCTC 6 tháng năm 2025	03/03

03	03-25/BB-BKS-PHT	25/11/2025	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý III và 9 tháng	03/03
04	04-25/BB-BKS-PHT	16/03/2026	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý IV và của năm 2025. BCTC, KH Phân phối lợi nhuận năm 2025	03/03

2. Tiền lương và thù lao của BKS

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên Ban Kiểm soát được thể hiện đầy đủ tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)¹.

3. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan và Công ty mẹ

- Công ty có phát sinh các giao dịch với Công ty mẹ, đã công bố thông tin đầy đủ, tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo đúng lợi ích của cổ đông.

- * Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 số 5029/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 30/7/2025, Bản thỏa thuận năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.
- * Hợp đồng đào tạo số 5283/HĐ-TCT-TTBD ngày 07/8/2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV tổng giá trị hợp đồng 3.200.000 đồng
- * Hợp đồng đào tạo số 6657/HĐ-TCT-TTBD ngày 30/9/2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV tổng giá trị hợp đồng 8.000.000 đồng.
- * Hợp đồng nhượng quyền gia hạn thời gian sử dụng phần mềm Artgis số 1018/HD-TCT-QLDA1 ngày 31/12/2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV tổng giá trị hợp đồng 2.400.486.257 đồng.

VI. Kết luận và Kiến nghị

- Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2026, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc như sau: tiếp tục duy trì ổn định hệ thống mạng lưới đạt tỷ lệ thất thoát nước ổn định; Tăng cường công tác kiểm soát chi phí, cân đối nguồn vốn doanh nghiệp, đảm bảo an toàn tài chính và phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả trong kinh doanh nước sạch, khai thác tốt khách hàng, đa dạng nguồn thu.

VII. Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 trong đó tập trung kiểm tra/giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Luật Doanh nghiệp; tình hình thực hiện và tuân thủ và các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá việc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026; tình hình tài chính, cân đối vốn và dòng tiền, thanh toán nợ, việc sử dụng vốn vay, chi phí lãi vay, đồng thời, định kỳ đánh giá hiệu quả quản lý và sử dụng vốn; tiến độ triển khai và kết quả thực hiện dự án đầu tư trong năm.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
5. Thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.

¹ Chi tiết tham khảo tại Mục VII.3.3a-Thuyết minh BCTC, được đăng trên website của Công ty tại đường dẫn <https://phuwaco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>.

6. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
7. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, kính đề trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến để hoạt động của Ban Kiểm soát được hiệu quả hơn.

Xin kính chúc toàn thể quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt, chúc Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2025



Số: 042 /TTr-PHT-BKS

TỜ TRÌNH

V/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-PHT-HĐQT ngày 15/7/2025 sửa đổi bổ sung lần thứ 8

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Chấp thuận danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
 - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân – đính kèm Dự thảo Hợp đồng;
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại tại mục (1) nêu trên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026 trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Đạt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

Số: _____/26/AUD.VVALUES

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

V/v: soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân về việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Hai bên gồm:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**
(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là Ông : **HOÀNG NGỌC LÂM**

Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : +84 (28) 38 558 410 Fax : +84 (28) 3955 5282

Địa chỉ : 86 Tân Hưng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0304796249

Tài khoản : 007.100.242.3478 Ngân hàng Ngoại Thương – Chi nhánh Quận 5.

Bên B : **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT**
Công ty Thành viên của JPA International
(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là Bà : **ĐỖ THỊ HƯƠNG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc Email : contact@vietvalues.com

Điện thoại : +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0303128175

Tài khoản : 1401 14851 034 725 tại Eximbank, Chi nhánh Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh.

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B được Bên A chỉ định để cung cấp các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (*nếu có*), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026. Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Bên A tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Bên A cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A sẽ được Bên B thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
2. Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Bên A trên phương diện tổng thể có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu báo cáo tài chính của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Bên A tại ngày 31 tháng 12 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Bên A sẽ được Bên B thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Sau đây gọi chung báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là “Báo cáo tài chính”.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Dịch vụ soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chuẩn mực kế toán đã được áp dụng;
- (d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

- (ii) Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét / kiểm toán;
- (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét / kiểm toán;
- (iv) Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét / kiểm toán.

Việc Ban Giám đốc không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục soát xét / kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ;

- (e) Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình soát xét / kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- (f) Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- (g) Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo kiểm toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo cho Bên A
- (h) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1 Đối với dịch vụ soát xét

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- (b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.
- (c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

- (d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét và kết quả soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- (e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- (f) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A.

2.2.2 Đối với dịch vụ kiểm toán

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- (b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- (c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- (d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.
- (e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- (f) Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: THƯ QUẢN LÝ VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

3.1 Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý (nếu có) được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 01 (một) bộ
 - + Bên B: 01 (một) bộ

3.2 Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 được phát hành 10 (mười) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 08 (tám) bộ
 - + Bên B: 02 (hai) bộ

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, 705, 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc của Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **66.550.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).**

Phí dịch vụ **chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng** nhưng đã bao gồm các chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% tổng phí dịch vụ (*chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng*) sau khi hợp đồng được ký kết, số tiền còn lại (*bao gồm Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành*) Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Thời gian kiểm toán dự kiến như sau:

- Thực hiện kiểm tra, soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 : 03 ~ 05 ngày làm việc.
- Tham gia chứng kiến kiểm kê (nếu có) : ngày 31/12/2026 (hoặc theo kế hoạch kiểm kê của Quý Công ty) .
- Kiểm toán chính thức cho năm 2026 : 03 ~ 05 ngày làm việc.
- Tổng hợp và phát hành dự thảo báo cáo : 10 ~ 15 ngày làm việc.
- Phát hành báo cáo kiểm toán năm 2026 chính thức : 02 ngày sau khi nhận được ý kiến đồng ý của Bên A về số liệu và nội dung báo cáo dự thảo đã gửi.

Thời gian này dựa trên cơ sở Bên A thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình đã nêu tại Điều 2, trong đó bao gồm Bên A đã cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến dịch vụ soát xét / kiểm toán theo yêu cầu của Bên B và thống nhất hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét / kiểm toán.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM, MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

8.1. Điều khoản về giới hạn phạm vi công việc và xác nhận bản chất dịch vụ soát xét / kiểm toán

Bên A xác nhận rằng dịch vụ soát xét / kiểm toán do Bên B cung cấp chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến hoặc kết luận soát xét / kiểm toán, dựa trên các thủ tục được thực hiện theo chuẩn mực soát xét / kiểm toán. Đây không phải là dịch vụ điều tra hay đảm bảo phát hiện toàn bộ các gian lận, sai sót trong mọi trường hợp. Bên B không có trách nhiệm pháp lý nếu những gian lận, sai sót, vi phạm pháp luật không được phát hiện do vượt quá giới hạn vốn có của cuộc soát xét / kiểm toán.

8.2. Miễn trừ và giới hạn trách nhiệm

Bên A thừa nhận và khẳng định rằng trách nhiệm lập, trình bày và công bố thông tin tài chính đầy đủ, trung thực, cũng như xây dựng, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc về Ban Giám đốc / Ban quản trị của Bên A. Cuộc soát xét / kiểm toán của Bên B không làm thay đổi hoặc chuyển giao trách nhiệm này.

Trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc kiểm toán viên/Bên B có hành vi cố ý/gian lận, Bên B và các nhân sự (kiểm toán viên, nhân viên) của Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào vượt quá tổng phí dịch vụ được ghi tại Điều 4 của Hợp đồng này đối với bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường nào của Bên A hoặc bên thứ ba phát sinh liên quan đến hợp đồng này.

Bên A cam kết bồi thường hoặc bảo vệ Bên B trước mọi khiếu nại, yêu cầu bồi thường từ bên thứ ba đối với các thiệt hại, chi phí pháp lý mà Bên B gánh chịu, nếu những khiếu nại này liên quan đến hoặc phát sinh từ sai sót, gian lận, vi phạm pháp luật hay vi phạm chuẩn mực kế toán của Bên A (hoặc các đơn vị thành viên) mà không phải do lỗi của Bên B.

Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại hay kiện tụng từ bên thứ ba hướng đến Bên B liên quan đến báo cáo tài chính của Bên A, hai bên sẽ cùng phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, bằng chứng, hỗ trợ pháp lý cần thiết, và chịu các chi phí liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bên B, nếu lỗi không xuất phát từ Bên B.

8.3. Sử dụng Báo cáo soát xét / kiểm toán và không chuyển giao cho bên thứ ba

Báo cáo soát xét / kiểm toán của Bên B được lập riêng cho mục đích mà hai bên đã thỏa thuận (nộp cơ quan chức năng, công bố theo quy định...), Bên A không được chuyển giao, cung cấp cho bên thứ ba hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài phạm vi đã thỏa thuận mà không có văn bản chấp thuận của Bên B. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất, khiếu nại nào của bên thứ ba liên quan đến việc sử dụng Báo cáo không đúng mục đích.

8.4. Trách nhiệm cho các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo

Bên B không có nghĩa vụ thực hiện bất kỳ thủ tục nào để phát hiện các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo. Mọi thay đổi trọng yếu hay sự kiện xảy ra sau ngày phát hành báo cáo không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bên B, trừ khi pháp luật hoặc chuẩn mực kiểm toán có quy định cụ thể.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Định nghĩa

“Sự kiện bất khả kháng” là các sự kiện xảy ra ngoài tầm kiểm soát hợp lý của các bên, không thể lường trước hoặc lường trước được nhưng không thể tránh hoặc khắc phục được bằng mọi biện pháp khả thi, như: thiên tai, bão lụt, động đất, chiến tranh, dịch bệnh quy mô lớn, khủng bố, đình công quy mô lớn, biến động chính trị - xã hội nghiêm trọng, hoặc thay đổi đột ngột về chính sách, pháp luật của Nhà nước...

9.2. Hậu quả của sự kiện bất khả kháng

Khi một bên không thể thực hiện (hoặc phải chậm thực hiện) nghĩa vụ hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, thì bên đó không được coi là vi phạm hợp đồng và không bị phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) trong phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng.

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ được gia hạn tương ứng với khoảng thời gian bị gián đoạn do sự kiện bất khả kháng, kèm theo thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả (nếu cần).

9.3. Nghĩa vụ thông báo và giảm thiểu thiệt hại

Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên còn lại (bằng văn bản/email chính thức) trong thời hạn 07 ngày kể từ khi biết về sự kiện này, kèm theo các chứng cứ cần thiết (nếu có).

Hai bên có trách nhiệm thiện chí phối hợp, tìm biện pháp hợp lý để giảm thiểu thiệt hại và tiếp tục thực hiện hợp đồng ngay khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

9.4. Chấm dứt do bất khả kháng kéo dài

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài quá (trên 90 ngày) mà vẫn không có biện pháp khắc phục, hai bên sẽ thỏa thuận chấm dứt hoặc tạm dừng thực hiện hợp đồng. Việc thanh toán các chi phí, nghĩa vụ phát sinh sẽ được hai bên thương lượng trên tinh thần thiện chí và theo công việc đã thực hiện.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES®)
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN
GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ HƯƠNG

HOÀNG NGỌC LÂM

Số : 224 /BC-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 25 tháng 3 năm 2026.

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TỶ LỆ % TH/KH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	33.300.000	31.961.921	95,98
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	411.265	405.588	98,62
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	21.580	21.597	100,08
4	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	%	17,80	17,81	100,06
5	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	850	850	100,00

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lý Thành Tài

Số : 225 /TTr-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 25 tháng 3 năm 2026.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 về việc Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty tiến hành thẩm tra thông qua và đã được Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân công bố thông tin theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung như sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025.

(Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán đã được đăng tải trên website: www.phuwaco.com.vn)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch *ghe*



Lý Thành Tài

Số : 226A /TTr-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 13 tháng 4 năm 2026.

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2026

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ báo cáo dự kiến Kế hoạch tài chính năm 2026 số 238/KH-PHT-KTTC ngày 09/3/2026 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2026 như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| 1. Tổng doanh thu | 405.749 triệu đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế TNDN | 28.802 triệu đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 21.785 triệu đồng |
| 4. Tỷ suất LNST trên vốn CSH | 17,94 % |
| 5. Mức cổ tức (đồng/CP) đảm bảo phù hợp với năng lực thực tế của Công ty (do Công ty dự kiến thực hiện tăng Vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển theo chỉ đạo chung từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV). | |

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lý Thành Tài

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2025

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ Báo cáo dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025 số 233/PHT-KTTC ngày 06/3/2025 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình trước Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua nội dung phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Thành tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025:	21.596.636.277	100,00
-	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm trước	-	-
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	21.596.636.277	100,00
2	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:	20.219.860.437	93,63
a	Chia cổ tức năm 2025:	7.650.000.000	37,83
-	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	8,50%	
-	Chia cổ tức	7.650.000.000	
b	Trích lập các quỹ :	12.569.860.437	62,17
-	Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-
-	Quỹ thưởng người quản lý (**)	388.800.000	1,80
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.181.060.437	56,40
3	Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối: (3=2-1)	1.376.775.840	6,37

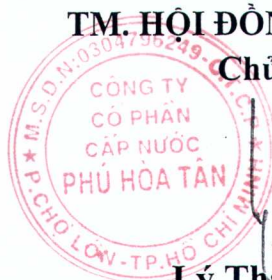
Ghi chú:

(*) Hiện nay Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đã có chủ trương sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp, do đó năm 2025 Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ ĐTPT.

(**) Chỉ tiêu Quỹ thưởng người quản lý bằng với trích lập của năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch *phs*



phs
Lý Thành Tài

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Số: 216/TTTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

*V/v Báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện Người quản lý năm 2025,
Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2026*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-PHT-HĐQT ngày 15/7/2025.

Hội đồng quản trị xin báo cáo về tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý (gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành) năm 2025 và trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về tổng thù lao kế hoạch năm 2026 của Người quản lý như sau:

I./ Báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2025:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025: **3.626.400.000** đồng. Gồm:

1. Tổng quỹ lương Người quản lý chuyên trách: 3.110.400.000 đồng. Gồm:

a. Thành viên Hội đồng, Ban kiểm soát:

- + Bà Lê Thị Thanh Tâm – CT HĐQT chuyên trách (6T): 53,317 triệu đồng/tháng
- + Ông Lý Thành Tài - Chủ tịch HĐQT chuyên trách (6T): 53,317 triệu đồng/tháng
- + Ông Nguyễn Minh Đạt - Trưởng BKS: 38,865 triệu đồng/tháng

b. Ban điều hành:

- + Ông Dương Văn Hòa - Giám đốc (6T): 49,026 triệu đồng/tháng
- + Ông Hoàng Ngọc Lâm - Giám đốc (6T): 49,026 triệu đồng/tháng
- + Ông Trần Công Lễ - Phó Giám đốc: 41,152 triệu đồng/tháng
- + Ông Bùi Đức Sinh - Phó Giám đốc: 41,152 triệu đồng/tháng
- + Bà Cao Thị Mỹ Hương - Kế toán trưởng: 35,685 triệu đồng/tháng

2. Tổng thù lao của Người quản lý không chuyên trách: 516.000.000 đồng. Gồm:

- + Thành viên Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng
 - + Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng
- (chi tiết cụ thể được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

II./ Kế hoạch thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2026:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua tổng thù lao kế hoạch năm 2026 của Người quản lý không chuyên trách, như mức thực hiện năm 2025, với số tiền: 516 triệu đồng. Cụ thể:

- + Thành viên Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

Ngoài ra, các khoản chi phí khác cho hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được hạch toán theo thực tế.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế và quy định nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có vốn góp của nhà nước chi phối, Công ty sẽ quyết toán tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Thánh Tài

TỜ TRÌNH

V/v Chấp thuận dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026, Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Căn cứ Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026, Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 và Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – đính kèm Dự thảo Hợp đồng và Bản thỏa thuận.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp có sự thay đổi về các điều khoản trong Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận nêu trên.
3. Sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị (trên cơ sở lấy ý kiến của cổ đông/ thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan), giao cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
4. Thời gian ủy quyền: cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông liên kế tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lý Thành Tài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2026 về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)

Trụ sở chính: Số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số: 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8411/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN (Bên mua)

Trụ sở chính: Số 86 Tân Hưng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 38 558 410

Fax: (84.8) 39 555 282

Tài khoản số : 6220201686868 tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chợ Lớn

Mã số thuế: 0304796249

Do Ông: **Hoàng Ngọc Lâm**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Chúng tôi thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

- 1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

- 1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới cấp nước của Bên B.
 - 1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
 - 1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.
- 1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:
- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
 - 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
 - 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
 - 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
 - 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).
- Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.**2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:**

2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

- 3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Đối với chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng, các chỉ tiêu, giới hạn thông số áp dụng theo Điều 4 Chương II của QCVN 01-1:2024/BYT và tần suất thực hiện các chỉ tiêu được áp dụng theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch được ban hành, chất lượng nước mua bán giữa hai bên sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

- 3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

- 3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

- 3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

- 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3 Điều 1 của hợp đồng này là **6.636,25 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.3 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:
- 5.1.1 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.3 Ngày 25 (hai mươi lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.4 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (Phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán si.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mạng lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.

7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.
- 9.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi hai bên hoàn thành trách nhiệm nêu tại Điều 7 của hợp đồng.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001_10M345B	Vòng xoay Dân Chủ
2	pt1002	3/2 - Cao Thắng 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thắng 2
4	pt1004	3/2 – Trần Minh Quyền
5	pt1005	3/2 - Lê Hồng Phong nối dài
6	pt1006	3/2 – Nguyễn Tri Phương 1
7	pt1007	3/2 – Nguyễn Tri Phương 2
8	pt1008	635 Ba Tháng Hai – Ngô Quyền
9	pt1009	3/2 – Nguyễn Lâm
10	pt1010	3/2 – Lý Thường Kiệt
11	pt1011	3/2 - Lê Đại Hành 1
12	pt1014	Góc trường học Phú Thọ
13	pt1015	3/2 Tạ Uyên
14	pt1018	3/2 - Lê Hồng Phong 2
15	pt1019	Vòng xoay Cây Gõ
16	pt1031	3/2 – Lê Đại Hành 2 (Lotte Mart)

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
17	cl2001	Nguyễn Tri Phương – Ngô Gia Tự
18	pt2001	Tạ Uyên – Nguyễn Chí Thanh
19	pt2002	Nguyễn Chí Thanh – Phó Cơ Điều
20	pt2004	Hẻm 270 Lý Thái Tổ
21	pt2005	Điện Biên Phủ - Cao Thắng
22	pt2006	Hùng Vương – Lê Hồng Phong
23	pt2009	106B Lý Thái Tổ (trước nhà khách Chính phủ)
24	pt2016	43D Hòa Bình – Kênh Tân Hóa
25	pt2017	Lý Thường Kiệt - Thiên Phước
26	pt2018	Âu Cơ - Lê Đại Hành – Nguyễn Thị Nhỏ (04-07)
27	pt2025	Ngã 3 Thành Thái – Bắc Hải

STT	Mã vị trí	Vị trí
28	pt2027	Khuông Việt - Âu Cơ
29	pt2030	Âu Cơ - Lê Đại Hành
30	pt2031	Âu Cơ - Lạc Long Quân
31	pt2032	Âu Cơ - Lê Ngã
32	sg2003	Điện Biên Phủ - Trần Minh Quyền (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
33	pt4002	Đồng hồ số 7 - Tân Hóa - Lạc Long Quân
34	pt4006	Đồng hồ số 5 (Tân Hóa - Hồng Bàng)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế

CÁC THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH VÀ NGƯỠNG GIỚI HẠN CHO PHÉP:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>			
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi ^(*)	-	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
11	Trực khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	< 1
12	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	< 1
<i>b. Thông số hoá học</i>			
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	250 hoặc 300 ^(**)
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
22	Florua (Fluoride) (F ⁻)	mg/L	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Natri (Na)	mg/L	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	11

29	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04
32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	250
33	Sulfua (Sulfide) (S^{2-})	mg/L	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-)	mg/L	0,05
<i>Nhóm Alkan Clo hóa</i>			
37	1,1,1 - Trichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	30
39	1,2 - Dichloroethene ($\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	50
40	Carbon tetrachloride (CCl_4)	$\mu\text{g/L}$	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_4)	$\mu\text{g/L}$	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)	$\mu\text{g/L}$	8
44	Vinyl chloride ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	0,3
<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
45	Benzene (C_6H_6)	$\mu\text{g/L}$	10
46	Ethylbenzene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	300
47	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$)	$\mu\text{g/L}$	9
48	Styrene (C_8H_8)	$\mu\text{g/L}$	20
49	Toluene (C_7H_8)	$\mu\text{g/L}$	700
50	Xylene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	500
<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
51	1,2 - Dichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	1.000
52	Monochlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	300
53	Tổng Trichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	20
<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
54	Acrylamide ($\text{C}_3\text{H}_5\text{NO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,5
55	Epichlorohydrin ($\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6)	$\mu\text{g/L}$	0,6
<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane ($\text{C}_3\text{H}_5\text{Br}_2\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	1
58	1,2 - Dichloropropane ($\text{C}_3\text{H}_6\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	40
59	1,3- Dichloropropene ($\text{C}_3\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
60	2,4-D ($\text{C}_8\text{H}_6\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	30
61	2,4 - DB ($\text{C}_{10}\text{H}_{10}\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	90
62	Alachlor ($\text{C}_{14}\text{H}_{20}\text{ClNO}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
63	Aldicarb ($\text{C}_7\text{H}_{14}\text{N}_2\text{O}_2\text{S}$)	$\mu\text{g/L}$	10
64	Atrazine ($\text{C}_8\text{H}_{14}\text{ClN}_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	$\mu\text{g/L}$	100
65	Carbofuran ($\text{C}_{12}\text{H}_{15}\text{NO}_3$)	$\mu\text{g/L}$	5

66	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	30
67	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	0,2
68	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	30
69	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	0,6
70	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	1
71	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	100
72	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	9
73	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	200
74	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	9
75	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	2
76	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	10
77	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	20
78	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	6
79	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	20
80	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	20
81	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	20
82	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L	2
83	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	20
<i>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
84	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	200
85	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	10
86	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	500
87	Monochloramine (NH ₂ Cl)	µg/L	3.000
<i>Nhóm Trihalomethane (THM)</i>			
88	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	60
89	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	100
90	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	300
91	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	100
<i>Nhóm Halogenated acetonitrile</i>			
92	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	70
93	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	20
94	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	1
<i>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</i>			
95	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	20
96	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	50
97	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	200
<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0

**PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN PHÚ HOÀ TÂN KỲ .../...**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

*a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của
hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)*

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

*a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng,
nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)*

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

*a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài
sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)*

*a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ
tổng nguồn: (A3.1)*

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							

2							
...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

 ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

c2. **Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)**

i. **BÊN A**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

c3. **Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)**

i. **BÊN A**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài		(m ³)

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỶ ... NĂM ...**

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __ .

Trân trọng.

Nơi nhận:

- CTCPCN
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC 5:
 QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
 VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ,
 NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG**

1. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

2. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.

- 2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình

quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2.

2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.

- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết theo phương án thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

3. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1.** Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2.** Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3.** Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4.** Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5.** Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3.** Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định

về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Đặng Đức Hiền** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8411/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN:

Ông: **Hoàng Ngọc Lâm** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.

- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng (Phụ lục đính kèm), được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A.
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng.

2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức

năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

+ ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

+ ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ ***Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).***

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ ***Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết***

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

+ ***Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:***

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ ***Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:***

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.

- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 như sau:

$$\mathbf{GBS_{2026} = GBS_{2025} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})}$$

Trong đó:

- GBS_{2025} : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2025 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2025 so với năm 2024. Cụ thể là **6.636,25 đồng/m³**.

% Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2026 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ được tính theo đơn giá như sau: Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **6.636,25 đồng/m³**.
3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A thành 03 (ba) như sau:

– Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng.

– Đợt 2: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng.

– Đợt 3: Ngày 25 (hai mươi lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A số tiền còn lại.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

Thanh toán tiền mua bán si nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh vượt dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001_10M345B	Vòng xoay Dân Chủ
2	pt1002	3/2 - Cao Thắng 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thắng 2
4	pt1004	3/2 – Trần Minh Quyền
5	pt1005	3/2 - Lê Hồng Phong nối dài
6	pt1006	3/2 – Nguyễn Tri Phương 1
7	pt1007	3/2 – Nguyễn Tri Phương 2
8	pt1008	635 Ba Tháng Hai – Ngô Quyền
9	pt1009	3/2 – Nguyễn Lâm
10	pt1010	3/2 – Lý Thường Kiệt
11	pt1011	3/2 - Lê Đại Hành 1
12	pt1014	Góc trường học Phú Thọ
13	pt1015	3/2 Tạ Uyên
14	pt1018	3/2 - Lê Hồng Phong 2
15	pt1019	Vòng xoay Cây Gõ
16	pt1031	3/2 – Lê Đại Hành 2 (Lotte Mart)

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
17	cl2001	Nguyễn Tri Phương – Ngô Gia Tự
18	pt2001	Tạ Uyên – Nguyễn Chí Thanh
19	pt2002	Nguyễn Chí Thanh – Phó Cơ Điều
20	pt2004	Hẻm 270 Lý Thái Tổ
21	pt2005	Điện Biên Phủ - Cao Thắng
22	pt2006	Hùng Vương – Lê Hồng Phong
23	pt2009	106B Lý Thái Tổ (trước nhà khách Chính phủ)
24	pt2016	43D Hòa Bình – Kênh Tân Hóa
25	pt2017	Lý Thường Kiệt - Thiên Phước
26	pt2018	Ấu Cơ - Lê Đại Hành – Nguyễn Thị Nhỏ (04-07)

STT	Mã vị trí	Vị trí
27	pt2025	Ngã 3 Thành Thái – Bắc Hải
28	pt2027	Khuông Việt - Âu Cơ
29	pt2030	Âu Cơ - Lê Đại Hành
30	pt2031	Âu Cơ – Lạc Long Quân
31	pt2032	Âu Cơ - Lê Ngã
32	sg2003	Điện Biên Phủ - Trần Minh Quyền (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
33	pt4002	Đồng hồ số 7 - Tân Hóa – Lạc Long Quân
34	pt4006	Đồng hồ số 5 (Tân Hóa – Hồng Bàng)



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 234 /TTr-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT
và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027)****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;
- Căn cứ hồ sơ miễn nhiệm và danh sách đề cử, ứng cử để bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) của Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân, gồm:
 - Văn bản số 83/TCT-HĐTV ngày 13/4/2026 V/v thôi cử nhân sự làm người đại diện vốn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV; điều chỉnh cơ cấu, số lượng cổ phần ủy quyền cho người đại diện vốn Tổng Công ty;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

- I. Miễn nhiệm chức danh 01 thành viên Hội đồng Quản trị có tên sau: Ông Nguyễn Thanh Sử nghỉ hưu theo chế độ.
- II. Thông qua danh sách bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027):
Với tỉ lệ nắm giữ 70,39% số cổ phần có quyền biểu quyết, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đề cử bổ sung 02 nhân sự: Ông Phạm Văn Duẩn và Ông Lê Thanh Sử.
- III. Bầu bổ sung 02 thành viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027).

Để đảm bảo cơ cấu tổ chức của HĐQT theo Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu *KL*
- (Đính kèm: Lý lịch trích ngang của ứng cử viên HĐQT)





**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN, NHIỆM KỲ IV (2022-2027)
(THEO THỨ TỰ A, B, C,...)**

TT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TỶ LỆ ĐỀ CỬ	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Tóm tắt)
1	Ông PHẠM VĂN DUẤN	10/10/1980	70,39%	67 Nguyễn Quang Bích, phường Tân Bình, TP.HCM	<ul style="list-style-type: none">- Thạc sĩ Quản lý xây dựng;- Kỹ sư thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước	<ul style="list-style-type: none">- 8/2006 – 3/2017: Nhân viên Ban Quản lý dự án sông Sài Gòn – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.- 4/2017 – 1/2023: Tổ trưởng Tổ Giám sát thoát nước khu vực 3, Phòng Giám sát thoát nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.- 2/2023 – 5/2024: Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;- 5/2024 – nay: Phó Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;
2	Ông LÊ THANH SỬ	10/06/1972	70,39%	17 Đường số 5 KDC City Land, KP 21 Phường Gò Vấp, Tp.HCM	<ul style="list-style-type: none">- Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường- Cử nhân Luật- Kỹ sư xây dựng	<ul style="list-style-type: none">- 8/2004 - 9/2007: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Công nghệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;- 9/2004 - 3/2014: Phó phòng Công nghệ, Đội phó rồi Đội trưởng Đội Thi công Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An;- 4/2014 - 02/2020: Phó Giám đốc rồi Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Cấp nước;- 3/2020 - 02/2021: Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; Đồng thời là TV HĐQT công Công ty CP Cấp nước Trung An;- 02/2021 - 6/2021: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Pháp chế TCT Cấp nước Sài Gòn;- 7/2021 - 6/2024: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Cấp nước Kênh Đông;- 7/2024 - 3/2025: Chuyên gia hợp đồng Công ty CP Cấp nước Kênh Đông- 4/2025 - nay: Phó Giám Đốc Pháp chế Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn